

Số: 03/KH-BCĐCDS

Lai Châu, ngày 05 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu năm 2022

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Quyết định số 27/QĐ-UBQGCDs ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số về Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022;
- Công văn số 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022;
- Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu;
- Quyết định số 02/QĐ-BCĐCDS ngày 05/8/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu;

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Phát huy vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh (*sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo*) trong công tác tham mưu giúp UBND tỉnh Lai Châu chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo trong việc thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của tỉnh Lai Châu phát triển.

Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh phải cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, trong đó cần ưu tiên các nguồn lực để tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện để phân đầu nâng chỉ số chuyển đổi số của tỉnh trong xếp hạng chung của cả nước.

III. MỤC TIÊU

1. Phát triển chính quyền số

- 100% dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định);

- 100% công tác báo cáo (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính là 50%.

- 100% máy tính của cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm đảm bảo an toàn thông tin.

2. Phát triển Kinh tế số

- Phấn đấu 10% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; 20% doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính;

- 30% cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường được xây dựng, cập nhật;

- Đưa vào khai thác 01 sàn thương mại điện tử của tỉnh.

3. Phát triển Xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến 100% xã; Tỷ lệ hộ gia đình có Internet cáp quang băng rộng đạt 40%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 70%. Trên 10% người dùng điện thoại hoặc thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh;

- Ít nhất 20% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử;

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh

- Ban Chỉ đạo tập trung chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, đôn đốc xây dựng và triển khai Nghị quyết, Đề án thực hiện Nghị quyết về Chuyển đổi số. Thực hiện trên 03 trụ cột chính: Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số;

- Triển khai công tác kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại các cơ quan, địa phương;

- Tổ chức các Phiên họp toàn thể Ban Chỉ đạo định kỳ hàng quý và đột xuất theo triệu tập của Trưởng Ban Chỉ đạo;

- Công bố xếp hạng các chỉ số của các sở, ban, ngành, địa phương của

tỉnh;

- Tổ chức các đoàn đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về chuyển đổi số và đô thị thông minh tại các tỉnh bạn và các tập đoàn công nghệ;

- Tổ chức các buổi làm việc song phương với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về công nghệ để tham vấn các nội dung về chuyển đổi số và thu hút, phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ trọng tâm của các thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số

- Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện đạt mục tiêu về: tỷ lệ hồ sơ công việc, tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử và thực hiện ký số chuyên dùng, doanh nghiệp ứng dụng chuyển đổi số, tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh.

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện đạt các mục tiêu về: dịch vụ công, công tác báo cáo, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện đạt mục tiêu: về cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường được xây dựng, cập nhật.

- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thực hiện đạt mục tiêu về sản thương mại điện tử của tỉnh.

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện đạt mục tiêu về: diện tích rừng được kiểm soát, theo dõi, giám sát bằng các hệ thống quản lý rừng thông minh.

- Giám đốc VNPT Lai Châu, Viettel Lai Châu chủ trì thực hiện đạt mục tiêu về hạ tầng và tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng cáp quang.

- Giám đốc Ngân hàng nhà nước chủ trì thực hiện đạt mục tiêu về người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

- Các Thành viên Ban chỉ đạo phối hợp thực hiện các mục tiêu về chuyển đổi số của ngành, địa phương mình và đảm bảo đạt mục tiêu về cài đặt phần mềm đảm bảo an toàn thông tin.

3. Giải pháp

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ công nghệ thông tin, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tỉnh; lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng và các nền tảng số khác.

- Hoàn thiện các Đề án, Kế hoạch, quy chế, quy định liên quan đến hoạt động chuyển đổi số của tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ/nhóm nhiệm vụ chuyển đổi số với lộ trình phù hợp để tỉnh ưu tiên đầu tư triển khai thực hiện; phát huy vai trò của cơ quan chuyên trách về chuyển đổi số nhằm đảm bảo các nhiệm vụ triển khai phù hợp, tránh trùng lặp, lãng phí và mang lại hiệu quả thiết thực.

- Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số của UBND các huyện, thành phố tăng cường hoạt động chỉ đạo, tổ chức triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực và trên địa bàn.

- Trên cơ sở các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, các ngành, địa phương triển khai thực hiện trong đó xác định các nội dung nhiệm vụ cụ thể để phân đầu đạt các chỉ tiêu đề ra thuộc trách nhiệm của cá nhân, ngành phụ trách. Đồng thời đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo ngành, lĩnh vực và địa phương được giao phụ trách.

- Chủ động, phối hợp, đề xuất với Trưởng Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ trọng tâm về Chuyển đổi số thuộc lĩnh vực cá nhân phụ trách.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm theo Quy chế làm việc và theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UB Quốc gia về Chuyển đổi số (để báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Thành viên BCĐ Chuyển đổi số tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- Các Thành viên Tổ giúp việc BCĐ Chuyển đổi số tỉnh;
- V, C, CB;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, Sở TTTT, BCĐCDS.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Tiến Dũng

PHỤ LỤC:
DỰ KIẾN MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số 03/KH-BCĐCĐS ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu)

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Đổi tên, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và tổ chức lại Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông thành Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ.	2022	
2	Xây dựng và đưa vào khai thác 01 sàn thương mại điện tử của tỉnh.	Trung tâm xúc tiến đầu tư, Thương mại và du lịch thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công thương; UBND các huyện, thành phố; Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2022	Vốn chi thường xuyên
3	Nâng cấp, hoàn thiện nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành, địa phương;	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	2022	Vốn chi đầu tư phát triển
4	Giám sát tập trung và cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng (Security Operation Center - SOC) kết nối với Hệ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	2022	Vốn chi đầu tư phát triển

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.				
5	Hình thành trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Lai Châu (Intelligent Operation Center - IOC) để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	2022	Vốn chi đầu tư phát triển
6	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi đầu tư phát triển
7	Kinh phí thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2022-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
8	Kinh phí Phần mềm điều tra xã hội học phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
9	Kinh phí nâng cấp phòng họp trực tuyến	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
10	Kinh phí mua máy tính xách tay cho Đại biểu HĐND tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
11	Kinh phí thực hiện mua sắm trang bị thiết bị bảo mật hệ thống mạng LAN, triển khai hệ thống quản lý dữ liệu người dùng tập trung	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
12	Kinh phí thuê Hệ thống phòng họp không giấy Ecabinet	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	2022	Vốn chi thường xuyên
13	Kinh phí thuê Hệ thống thông tin báo cáo-Chỉ đạo điều hành của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	2022	Vốn chi thường xuyên
14	Kinh phí thuê bao đường truyền và duy trì hoạt động công thông tin điện tử tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	2022	Vốn chi thường xuyên
15	Kinh phí thực hiện đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	2022	Vốn chi thường xuyên
16	Kinh phí triển khai xây dựng, cài đặt phần mềm cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện, thành phố.	2022	Vốn chi thường xuyên
17	Kinh phí thuê kênh truyền thiết bị hạ tầng truyền thông do Bộ Tài chính đầu tư; Thuê đường truyền vận hành phần mềm quản lý chi các đơn vị dự toán khối tỉnh, huyện, xã	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
18	Kinh phí nâng cấp, sửa chữa, thay thế linh kiện trên 02 máy chủ	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
19	Kinh phí thiết lập Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về thủy sản thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
20	Kinh phí mua sắm phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
21	Kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý dữ liệu công chứng, chứng thực	Sở Tư pháp	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
22	Kinh phí thuê phần mềm quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế	Sở Y tế	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
23	Kinh phí thuê hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2022	Sở Y tế	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
24	Kinh phí thuê công du lịch thông minh Lai Châu	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
25	Kinh phí thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	2022	Vốn chi thường xuyên
26	Kinh phí thuê máy chủ bảo mật	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh.	2022	Vốn chi thường xuyên
27	Kinh phí thuê hệ thống giám sát danh tiếng	Sở Thông tin và		2022	Vốn chi

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	và thông tin trực tuyến	Truyền thông			thường xuyên
28	Kinh phí thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.	2022	Vốn chi thường xuyên
29	Kinh phí Ban Chỉ đạo chính quyền điện tử tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông		2022	Vốn chi thường xuyên
30	Kinh phí nâng cấp cổng thông tin đối ngoại tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		2022	Vốn chi thường xuyên
31	Kinh phí thực hiện Đề án chuyển đổi IPV4 sang IPV6	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.	2022	Vốn chi thường xuyên
32	Kinh phí thuê đường truyền trung tâm dữ liệu cổng thông tin, Cổng thông tin đối ngoại, trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, thư điện tử công vụ...	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.	2022	Vốn chi thường xuyên
33	Kinh phí bảo trì và thay thế, bổ sung thiết bị đảm bảo an toàn Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.	2022	Vốn chi thường xuyên
34	Kinh phí mua phần mềm vi rút của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã,	2022	Vốn chi thường xuyên

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			phường, thị trấn.		
35	Kinh phí gia hạn bản quyền cho thiết bị Fotimail hệ thống thư công vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.	2022	Vốn chi thường xuyên
36	Kinh phí triển khai phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chồng chéo	Thanh tra tỉnh	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
37	Kinh phí lắp đặt hệ thống phần mềm quản lý thu phí và phương tiện ra vào cửa khẩu	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
38	Kinh phí xây dựng cổng thông tin điện tử Đài Phát thanh, truyền hình Lai Châu	Đài Phát thanh, truyền hình Lai Châu	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên
39	Kinh phí mua sắm phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý lực lượng sẵn sàng nhập ngũ tại các cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông	2022	Vốn chi thường xuyên

Ghi chú: Các nhiệm vụ nêu trên là dự kiến; trước khi triển khai cụ thể cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, đánh giá tính cần thiết, tính phù hợp, tính hiệu quả và đảm bảo không đầu tư chồng chéo, trùng lắp, báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét; quy trình, thủ tục triển khai đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ CNTT, triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT thực hiện theo các quy định hiện hành.